

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 269/2025/TLST-HN ngày 13 tháng 02 năm 2025, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số F đường L, Tổ G, khu phố P, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số F đường L, Tổ G, khu phố P, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/3/2025 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2021 do Ủy ban nhân dân phường T cấp ngày 09/12/2021 thì quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H là tự nguyện và hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H không có con chung.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2021 do Ủy ban nhân dân phường T cấp ngày 09/12/2021 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H phải chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số BLTU/24P 0079348 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Sương**